

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 435/2020/DS-ST
Ngày: 22-10-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nga
2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Châu Nguyễn Thanh Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 199/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 264/2020/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 238/2020/QĐST-DS ngày 25 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Phạm Anh V**, sinh năm: 1978 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Kim T**, sinh năm: 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Võ Thị Hồng D**, sinh năm: 1981; Địa chỉ: đường L, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 5 năm 2020, bản tự khai ngày 17 tháng 6 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Anh V trình bày:

Ngày 01/5/2019 bà Nguyễn Kim T có làm giấy mượn tiền mượn ông số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và hẹn đến ngày 01/11/2019 thì bà Thuý sẽ trả cho ông toàn bộ số tiền nêu trên nhưng đến nay đã quá thời gian ghi trong giấy nợ mà bà T vẫn chưa trả tiền cho ông. Ông đã nhiều lần liên lạc, gọi điện thoại để yêu cầu bà T trả tiền nhưng bà T không nghe máy và cũng không liên lạc gì với ông. Ông xác nhận bà T là người trực tiếp nhận số tiền 50.000.000 đồng từ ông và số tiền này là tài sản riêng của cá ông. Nay ông yêu cầu bà Nguyễn Kim T trả cho ông số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) theo giấy mượn tiền lập ngày 01/5/2019, yêu cầu trả một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu bà T trả lãi. Ông xác định chỉ yêu cầu cá nhân bà Nguyễn Kim T trả tiền, không yêu cầu ai khác cùng bà T trả tiền. Ngoài ra ông không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Nguyễn Kim T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bà T.

Tại bản tự khai ngày 23 tháng 7 năm 2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Hồng D trình bày: Bà là vợ của ông Phạm Anh V. Bà xác nhận số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) mà ông V cho bà Nguyễn Kim T vay là tài sản riêng của ông V. Bà không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án với nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Phạm Anh V khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Kim T trả cho ông số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) theo giấy mượn tiền ngày 01/5/2019 nên đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn bà Nguyễn Kim T có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Phạm Anh V và bà Võ Thị Hồng D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bà Nguyễn Kim T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông V, bà D và bà T theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[4] Về hình thức hợp đồng: Ngày 01/5/2019, giữa ông Phạm Anh V và bà Nguyễn Kim T có ký kết giấy mượn tiền về việc bà T mượn tiền của ông V. Giấy mượn tiền này được hai bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự tham gia giao kết nên đây là hợp đồng vay tài sản phù hợp với quy định tại Điều 385 và 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó hợp đồng này có hiệu lực và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng theo quy định tại Điều 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về yêu cầu của đương sự: Nguyên đơn ông Phạm Anh V yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Kim T trả cho ông số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) theo giấy mượn nợ ngày 01/5/2019, yêu cầu trả ngay một lần khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực; không yêu cầu bà T trả lãi.

[6] Căn cứ vào Giấy mượn tiền lập ngày 01/5/2019 giữa ông Phạm Anh V và bà Nguyễn Kim T, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bà T có mượn tiền của ông V với số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Thời hạn bà T cam kết sẽ trả số tiền trên cho ông V là trong vòng 06 tháng kể từ ngày 01/5/2019 đến ngày 01/11/2019.

[7] Theo kết quả xác minh nơi cư trú của bà Nguyễn Kim T do Công an xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp có nội dung như sau:

“Bà Nguyễn Kim T, sinh năm: 1969 có đăng ký hộ khẩu thường trú 135A/6 ấp 1, xã An Phú Tây. Hiện tại bà T không có cư trú tại địa chỉ trên. Bà T bỏ địa phương đi từ tháng 7/2020 đến nay, đi đâu không rõ”

[8] Tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Trường hợp một bên trong quan hệ dân sự thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thì phải thông báo cho bên kia biết về nơi cư trú mới”*.

[9] Tại Giấy mượn tiền lập ngày 01/5/2019 có thể hiện địa chỉ thường trú và chỗ ở hiện nay của bà T tại số 135A/6 ấp 1, xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, từ tháng 7/2020 bà Nguyễn Kim T đã bỏ đi nơi khác, không rõ đi đâu và bà cũng không thông báo cho ông Phạm Anh V biết địa chỉ nơi cư trú mới của bà ở đâu. Điều đó chứng tỏ bà T cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với nguyên đơn.

[10] Tòa án đã thực hiện các thủ tục tố tụng, niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà Nguyễn Kim T theo quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 178 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay, bà T vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản cho biết ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[11] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Anh V và vợ là bà Võ Thị Hồng D đều xác nhận số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) mà ông V

cho bà Nguyễn Kim T vay mượn là tài sản riêng của ông V, ông V chỉ yêu cầu cá nhân bà Nguyễn Kim T trả tiền, ông không yêu cầu ai khác cùng bà T trả tiền. Xét thấy đây là ý chí tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[12] Căn cứ vào Giấy mượn tiền lập ngày 01/5/2019, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định vào thời điểm các bên tham gia giao dịch có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, giấy mượn tiền ngày 01/5/2019 do ông Phạm Anh V và bà Nguyễn Kim T ký kết có hiệu lực, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý nên các bên phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

[13] Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Kim T đã không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn như đã cam kết. Nguyên đơn đã nhiều lần liên lạc yêu cầu bà T trả tiền nhưng bà T cố tình bỏ đi nơi khác, trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà T trả tiền là phù hợp với quy định tại Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[14] Tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định:

“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.

[15] Bị đơn bà Nguyễn Kim T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không tham gia các phiên hòa giải, phiên tòa xét xử, không gửi văn bản cho biết ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đưa ra tài liệu, chứng cứ gì bác bỏ yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ vào Điều 70, Điều 72 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[16] Ông Phạm Anh V không yêu cầu bà Nguyễn Kim T trả lãi, xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[17] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật và có cơ sở chấp nhận. Buộc bà Nguyễn Kim T có trách nhiệm trả cho ông Phạm Anh V số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

[18] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; cụ thể bà Nguyễn Kim T phải chịu án phí là 50.000.000 đồng x 5% = 2.500.000 đồng (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng). Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí mà ông Phạm Anh V đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 2, Điều 91, Điều 177, Điều 178, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 40, 357, 401, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Anh V.

1.1. Buộc bà Nguyễn Kim T có trách nhiệm trả cho ông Phạm Anh V số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Các bên giao nhận tiền tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phạm Anh V về việc không yêu cầu bà Nguyễn Kim T trả lãi.

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Phạm Anh V cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Kim T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Nguyễn Kim T phải chịu 2.500.000 đồng (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn trả lại cho ông Phạm Anh V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng (Một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0078938 ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.Bình Chánh;
- Chi cục THADS H.Bình Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Kim Tuyền